TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST Ngày 27-6-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Khóm G, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Diễm T là nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Diễm T với anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 trên cơ sở quen biết. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 369, quyển số 02.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 03 người con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010, Lê Thị Ánh T1 và Lê Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012. Hiện tại các con đang sống chung với chị T. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Chị Nguyễn Thị Diễm T với anh Lê Văn C thời gian đầu sống chung rất hạnh phúc. Thời gian gần đây, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do là anh C thường xuyên say xỉn, ít quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh chị đã sống ly thân 05 tháng nay do cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc.

Nay xét thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh Lê Văn C nên chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010, Lê Thị Ánh T1 và Lê Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012. Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc hòa giải đoàn tụ không thành do anh C vắng mặt tại các phiên họp. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Diễm T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Lê Văn C là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm T. Giao con chung tên tên Lê Thành D, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010, Lê Thị Ánh T1 và Lê Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu án toàn bộ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn C phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, anh Lê Văn C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 01 tháng 9 năm 2010. Đây hôn nhân tự nguyện, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng có phát sinh mâu thuẫn do anh C thường say xỉn, ít quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh chị đã ly thân 05 tháng nay. Qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thuẫn trong hôn nhân giữa chị T với anh C là do anh C thường xuyên đá gà, cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến cự cãi, bất hòa giữa vợ chồng. Chị T và các con đã dọn ra nhà trọ sống. Đối với anh Lê Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh C đều không đến theo yêu cầu triệu tập của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị T. Điều đó cho thấy anh C cũng không còn muốn đoàn tụ với chị T, không quan tâm, bỏ mặc mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Lê Văn C có 03 người con chung gồm: Lê Thành D, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010, Lê Thị Ánh T1 và Lê Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012. Hiện tại 03 người con chung đều sống với chị T. Nguyện vọng của cháu D, cháu T1 và cháu S đều muốn sống

với mẹ. Xét thấy yêu cầu của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/người con chung. Hội đồng xét xử xét anh Lê Văn C là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp nên có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[8] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56; các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thành D, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010, Lê Thị Ánh T1 và Lê Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012.

Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp

dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 6 năm 2024).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000250 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên chị Nguyễn Thị Diễm T không phải nộp thêm. Buộc anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Khoa